

Số: /BC-THQT

Hồng An, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC QUÁN TOAN

(Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn 2941/SGDĐT-KTKĐ ngày 24/9/2024 của Sở Giáo dục Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT;

Trường Tiểu học Quán Toan báo cáo thường niên công khai hoạt động của nhà trường năm 2025 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Tiểu học Quán Toan

2. Địa chỉ: Số 48 - Đường Quán Toan 1 - Tổ dân phố số 7 - Hồng An - Hải Phòng.

- Email: tieuhocquantoan@hongbang.edu.vn

- Cổng thông tin điện tử: <https://thquantoan.haiphong.edu.vn/>

3. Loại hình trường: Trường công lập do UBND phường Hồng An quản lý trực tiếp và Sở Giáo dục quản lý chuyên môn theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

- Sứ mệnh

+ Môi trường giáo dục: An toàn, thân thiện, tích cực, hạnh phúc, tạo điều kiện để học sinh phát huy năng lực, phẩm chất của mình.

+ Thực hiện có hiệu quả chương trình, vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực, các phần mềm công nghệ, AI để nâng cao chất lượng dạy học, nhằm phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh.

+ Giáo viên: Nề nếp, kỷ cương, đoàn kết, sáng tạo, trách nhiệm với công việc được giao.

+ Học sinh: Ngoan ngoãn, lễ phép, tự tin, tự học, sáng tạo.

- Tầm nhìn

Trường Tiểu học Quán Toan luôn là trường chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng cấp độ 3, trở thành trường Tiểu học uy tín, chất lượng cao, môi

trường giáo dục hiện đại, học sinh năng động, sáng tạo, giáo viên tâm huyết, ứng dụng có hiệu quả công nghệ, là điểm tìm đến đối với phụ huynh.

- Mục tiêu:

Xây dựng thương hiệu nhà trường có uy tín, chất lượng, ổn định và phát triển ngày càng tăng về sĩ số học sinh.

Từng bước hoàn thiện theo mô hình giáo dục hiện đại, tạo trường học hạnh phúc, học sinh đến trường được yêu thương, an toàn và tôn trọng.

- Giá trị cốt lõi: Tập trung vào 9 giá trị cốt lõi

- + Tự giác và trách nhiệm và an toàn.
- + Yêu thương, chia sẻ
- + Tôn trọng sự khác biệt.
- + Nỗ lực, sáng tạo.
- + Đoàn kết, hợp tác tốt.
- + Vui vẻ, hạnh phúc.
- + Toàn diện về đạo đức, năng lực, phẩm chất và kiến thức.
- + Làm việc khoa học, có nề nếp
- + Khát vọng vươn lên.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường Tiểu học Quán Toan trực thuộc phường Hồng An, thành phố Hải Phòng, được thành lập theo Quyết định số 238/QĐ-UB ngày 25 tháng 7 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân quận Hồng Bàng. Trường được chia tách từ trường Phổ thông Cơ sở Quán Toan thành 2 trường TH Quán Toan và THCS Quán Toan, được xây dựng trên địa bàn khu dân cư Quán Toan, học sinh của trường chủ yếu là con em nhân dân trên địa bàn phường. Khi mới chia tách toàn trường có 32 cán bộ giáo viên, số học sinh của trường trên dưới 850 em và chia thành 22 lớp. Trải qua 30 năm xây dựng và trưởng thành, đến nay nhà trường đã không ngừng vươn lên và phát triển trên tất cả các lĩnh vực. Năm 2018 nhà trường được công nhận đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng cấp độ 3. Đến năm 2024 quận ủy Hồng Bàng đưa vào Nghị quyết thực hiện việc công nhận lại trường chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng cấp độ 3. Năm học 2024-2025 tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường đã nỗ lực hết mình, bổ sung đầy đủ CSVN, sửa chữa, tạo cảnh quan nhà trường khang trang, sạch đẹp. Đến nay được UBND thành phố ra Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về việc cấp bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Tính đến thời điểm hiện tại có 1102 học sinh/31 lớp với tổng CB, GV, NV nhà trường là 62 đồng chí.

6. Thông tin người đại diện để liên hệ

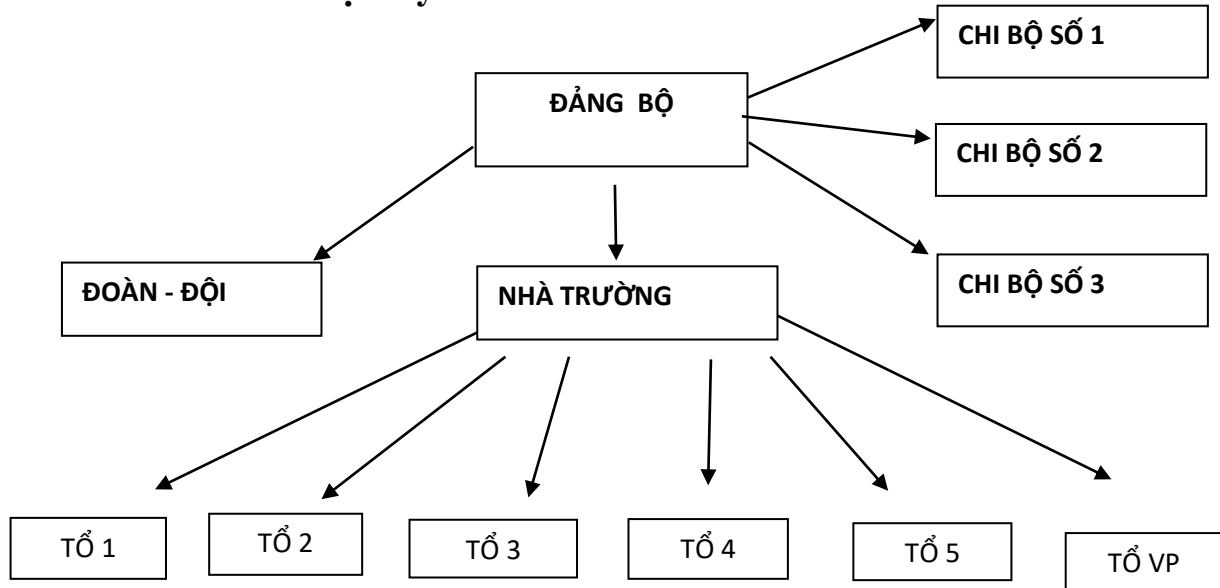
- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Hạnh ; SĐT: 0902078299

- Phó hiệu trưởng: Đỗ Thị Hồng ; SĐT: 0986534693

- Phó hiệu trưởng: Đặng Thị Lan ; SĐT: 0902050433

7. Tổ chức bộ máy

* Sơ đồ tổ chức bộ máy



- Quyết định thành lập trường: Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân quận Hồng Bàng.

- Quyết định số 235-QĐ/ĐU ngày 27/8/2025 của Đảng uỷ phường Hồng An về việc thành lập Đảng bộ trường Tiểu học Quán Toan.

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của Ủy ban Nhân dân quận Hồng Bàng về việc bổ nhiệm cán bộ.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: (Đỗ Thị Hồng) **Quyết định số 1530/QĐ-UBND** ngày 28/7/2023 của Ủy ban Nhân dân quận Hồng Bàng về việc bổ nhiệm cán bộ.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: (Đặng Thị Lan) **Quyết định số 1506/QĐ-UBND** ngày 27/10/2020 của Ủy ban Nhân dân quận Hồng Bàng về việc bổ nhiệm cán bộ./.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Cán bộ quản lý: 03;

- Giáo viên: 51 trong đó: TPT: 01; GV 50 chia ra: : GVVH: 45 (thừa 2); GVMT:01; GVAN:02; GVTPT: 01; GVTA: 02 (thiếu 1); GV tin học: 0 (thiếu 1)

- Nhân viên: 02.

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo năm học 2025 - 2026

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	56		3	51	2	0	0	0	43	12	01				
I	Giáo viên	51		2	47	2	0	0	0	39	12	0	51	0	0	
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt				6											
1	Tiếng dân tộc															
2	Ngoại ngữ				2											
3	Tin học				0											
4	Âm nhạc				2											
5	Mỹ thuật				1											
6	Thể dục				0											
7	Khác				0											
II	Cán bộ quản lý	3		1	2				3			3				
1	Hiệu trưởng	1			1				1			1				
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1				2			2				
III	Nhân viên	2														
1	Nhân viên văn thư															
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế															
5	Nhân viên thư viện	1			1											
6	NV thiết bị, thí nghiệm															
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật															
8	Nhân viên công nghệ thông tin															
9	Nhân viên bảo vệ															

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

- Cán bộ quản lý 03, đạt chuẩn 100%;

- Giáo viên 51, đạt chuẩn: 49 = 96,1%; chưa chuẩn: 02 = 3,9%.

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Cán bộ quản lý 03, đạt bồi dưỡng 100%;
- Giáo viên 51, đạt bồi dưỡng 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- a. Diện tích khu đất xây dựng trường: 7077 m²,
+ Điểm trường 01;

+ Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh 6,4 m²; Đạt yêu cầu

b. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /học sinh
I	Tổng số phòng học/ lớp	32/31	
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	32	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	7077	6,1
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2825	2,5
VI	Tổng diện tích các phòng	2720	2,4
1	Diện tích phòng học (m ²)	1792	1,6
2	Diện tích thư viện (m ²)	90	0,08
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	450	0,39
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	112	0,09
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	56	0,048
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	56	0,048
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	34	0,03
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	80	0,068
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	6	1
1.2	Khối lớp 2	6	1
1.3	Khối lớp 3	6	1
1.4	Khối lớp 4	6	1
1.5	Khối lớp 5	7	1

2	Tổng số thiết bị DH tối thiểu còn thiếu so với quy định								
2.1	Khối lớp 1		0						
2.2	Khối lớp 2		0						
2.3	Khối lớp 3		0						
2.4	Khối lớp 4		0						
2.5	Khối lớp 5		0						
VIII	Tổng số Máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		30	Số học sinh/bộ 24					
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			Số thiết bị/lớp					
1	Ti vi		32	1					
2	Cát xét		0						
3	Đầu Video/đầu đĩa		0						
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		0						
5	Thiết bị khác...		0						
6	Máy tính phục vụ giảng dạy và quản lý		41	1,3					
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng			Số thiết bị/lớp					
1	Ti vi		33	1					
2	Cát xét		0						
3	Đầu Video/đầu đĩa		0						
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		0						
5	Thiết bị khác...		0						
6								
	Nội dung		Số lượng (m2)						
X	Nhà bếp		50						
XI	Nhà ăn		412						
	Nội dung	Số lượng phòng	Tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ				
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	33	1848	1122	1,6				
XIII	Khu nội trú	0		0	0				
XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	11 m ²	1	11 m ²	6	105 m ²	6	105 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0	0	0	0
(Theo thông tư số 41/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh)									

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

c. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Thiết bị tối thiểu theo quy định, đảm bảo đầy đủ cho các khối lớp.

d. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Khối 1.2.3.4.5 thực hiện Chương trình Phổ thông 2018 với bộ sách Kết nối tri thức.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC.

* Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	...
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	...
Tiêu chí 1.8		x	x	...
Tiêu chí 1.9		x	x	...
Tiêu chí 1.10		x	x	...
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				

Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	...
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: Đạt mức 1,2,3

2.1.2. Đánh giá theo mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chuẩn 1- Tiêu chí 8: Khoản 1 điều 22 Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.		X	
Tiêu chuẩn 3 - Tiêu chí 6: Khoản 3 điều 22: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.		X	
Tiêu chuẩn 1 - Tiêu chí 1: Khoản 4 điều 22 Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá,		X	

nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.			
Tiêu chuẩn 5 - Tiêu chí 5: Khoản 5 điều 22 Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 2 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.		X	

Kết quả: Chưa đạt Mức 4

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3

* Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

(Có Kế hoạch đính kèm)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a. Kế hoạch tuyển sinh, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan.

(Có Kế hoạch đính kèm)

b. Kế hoạch giáo dục nhà trường.

(Có Kế hoạch đính kèm)

c. Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong việc giáo dục và chăm sóc học sinh.

(Có quy chế đính kèm)

d. Chương trình hoạt động, hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh.

(Có văn bản đính kèm)

đ. Thực đơn hàng ngày của học sinh.

(Có văn bản đính kèm)

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a. Kết quả tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2025-2026: 220 học sinh.

- Tổng số học sinh: 1102 học **sinh (537 nữ)**/31 lớp.

Khôi	Số lớp	Số học sinh		HS bình quân/lớp	Học 2 buổi/ngày	Ăn bán trú	HS khuyết tật	HS chuyển đến	HS chuyển đi	HS dân tộc thiểu số
			Nữ							
1	6	222	92	37	222					
2	6	206	101	34,3	206		02			

3	6	219	99	36,5	219		01		
4	6	199	112	33,2	199		03		
5	7	256	133	36,6	256		03		
Tổng	32	1102	537	35,5	1102		9		
Đạt tỉ lệ %		46,6					0,8		

b. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

*Kết quả xếp loại học lực/học tập:

Khối	T/số HS	HT Xuất sắc		HT Tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	217	132	60,8	42	19,4	43	19,8	0	0
2	198	115	50,1	28	14,1	55	27,8	0	0
3	258	134	51,9	59	22,9	65	25,2	0	0
4	258	114	44,2	55	21,3	89	34,5	0	0
5	251	133	52,9	98	39,1	20	8	0	0
Tổng	1182	628	53,1	282	23,9	272	23	0	0

*Kết quả xếp loại phẩm chất, năng lực

Khối	Tổng số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	217	190	87,6	27	12,4	0		0	
2	198	165	83,3	33	16,7	0		0	
3	258	213	82,6	45	17,4	0		0	
4	258	186	72,1	72	27,9	0		0	
5	251	206	82,1	45	17,9	0		0	
Tổng	1182	960	81,2	222	18,8	0		0	

* Học sinh Hoàn thành chương trình lớp học: $1182/1182 = 100\%$

c. Học sinh Hoàn thành chương trình tiểu học: $251 = 100\%$

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo qui định của pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

STT	Nội dung	Thu	Chi	Số dư (tính đến 31/12/2025)
	THU CHI CÁC HOẠT ĐỘNG			
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	32.257.144.215	31.446.757.299	810.386.916
I	Ngân sách	18.159.054.208		
1	Chi thường xuyên	12.986.342.904		
	Dư năm trước chuyển sang	4.015.816		
	Dự toán được giao năm 2025	12.982.327.088		
2	Chi không thường xuyên	5.172.711.304		
II	Các khoản thu theo công văn	675.025.650		
1	Bảo hiểm y tế học sinh (Công văn số 40/BHXH-BPT&PTNTG ngày 11/8/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Hồng Bàng): 52.650 đ/tháng	675.025.650		
	Khối 1	155.054.250		
	Khối 2,3,4,5	519.971.400		
III	Các khoản thu: Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng	13.213.741.357		
1	Tiền ăn và chất đốt: 30.000đ/hs/ngày (Nhà trường ký hợp đồng với công ty cung cấp thực phẩm và chất đốt)	5.670.750.000		
2	Hỗ trợ chăm nuôi bán trú: 150.000đ/hs/tháng	1.475.175.000		
	Tồn mang sang	134.703.763		
3	Nước uống tinh khiết: 10.000đ/hs/tháng x 9 tháng	98.760.000		
4	Tiếng Anh tự chọn: 60.000 đ/hs/tháng	225.468.000		
	Tồn mang sang	42.553.032		
5	Tiếng Anh tăng cường 60.000 đ/hs/tháng	300.270.000		

	Tồn mang sang	59.646.156		
6	Giáo dục Stem: 112.000đ/hs/tháng	342.748.000		
	Tồn mang sang	39.609.976		
7	Kỹ năng CD số: 86.000 đ/hs/tháng	521.305.000		
	Tồn mang sang	121.301.800		
8	Tiếng anh Người nước ngoài	789.440.000		
	Tồn mang sang	124.133.246		
9	Quản lý học sinh ngoài giờ :10.000đ/hs/giờ	2.040.687.760		
	Tồn mang sang	379.331.110		
10	Hỗ trợ dạy học 2 buổi/ngày : 30.000đ/hs/tháng	332.355.000		
	Tồn mang sang	37.841.139		
11	Phục vụ các hoạt động BT cho cá nhân HS: Khối 1: 360.000đ/hs/năm Khối 2,3,4,5: 200.000đ/hs/năm)	250.600.000		
	Tồn chuyên sang	30.284.000		
12	Tài trợ giáo dục (HS lớp 1)	194.800.000		
	Tồn mang sang	1.978.375		
IV	Các khoản thu dịch vụ:	90.687.000		
1	Dịch vụ trông coi xe: PH đăng ký gửi xe (thu 9 tháng) Xe đạp: 30.000đ/hs/tháng (nếu đ.ký) Xe máy: 50.000đ/hs/tháng (nếu đ.ký)	78.100.000		
	Tồn mang sang	12.587.000		
V	Các khoản thu thỏa thuận	118.636.000		
1	Kinh phí ban đại diện cha mẹ học sinh (Thu trên tinh thần từ nguyện, trích 28% về BDDCMHS nhà trường) theo TT 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011	118.636.000		
	Tồn mang sang			
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG			
I	Ngân sách		18.095.125.319	63.928.889
1	Chi thường xuyên		12.922.414.015	63.928.889
	- Chi lương, bảo hiểm và các khoản phụ cấp		11.829.500.521	

	- Chi lương cho nhân viên hợp đồng		393.718.745	
	- Chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn		211.980.763	
	- Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ		182.311.940	
	- Chi dịch vụ vệ sinh, mạng internet, điện, nước		102.324.766	
	- Chi khác		202.577.280	
2	Chi không thường xuyên		5.172.711.304	0
	- Mua sắm trang thiết bị phục vụ chuyên môn, sửa chữa		2.454.741.954	
	- Chi khen thưởng NĐ 73		601.559.000	
	- Chi thu nhập BQ tăng thêm theo NQ 05		1.938.960.000	
	- Hỗ trợ chi phí học tập cho HSKT, PCUĐ GV dạy trẻ KT		177.450.350	
II	Các khoản chi theo công văn		675.025.650	0
1	Bảo hiểm y tế		675.025.650	0
	Nộp 100% tiền BHYT học sinh về cơ quan BHXH thành phố		675.025.650	0
III	Các khoản chi: Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng		12.550.568.330	663.173.027
1	Tiền ăn và chất đốt		5.670.750.000	0
	Thanh toán tiền thực phẩm và chất đốt		5.670.750.000	0
2	Hỗ trợ chăm nuôi bán trú		1.480.578.943	129.299.820
	- Chi lương nhân viên nấu ăn		587.827.943	
	- Chi lương cho người trông trưa, phục vụ công tác bán trú		661.300.000	
	- Chi công tác quản lý		192.396.700	
	- Nộp thuế		39.054.300	
3	Nước uống tinh khiết		98.760.000	0
	- Thanh toán 100% tiền về công ty		98.760.000	
4	Tiếng Anh tự chọn		242.453.417	25.567.615
	- Nộp trả trung tâm		191.757.000	
	- Chi phúc lợi		14.080.500	

	- Chi công tác quản lý		14.055.300	
	- Chi HT cơ sở vật chất		20.799.245	
	- Nộp thuế		1.761.372	
5	Tiếng Anh tăng cường		350.300.136	9.616.020
	- Nộp trả trung tâm		287.424.000	
	- Chi phúc lợi		22.039.500	
	- Chi công tác quản lý		21.359.100	
	- Chi HT cơ sở vật chất		17.631.600	
	- Nộp thuế		1.845.936	
	Tiếng Anh Người nước ngoài		897.035.200	16.538.046
	- Nộp trả trung tâm		740.616.000	
6	- Chi phúc lợi		54.163.200	
	- Chi công tác quản lý		54.913.600	
	- Chi HT cơ sở vật chất		43.330.560	
	- Nộp thuế		4.011.840	
7	Giáo dục Stem		377.747.923	4.610.053
	- Nộp trả trung tâm		298.659.200	
	- Chi phúc lợi		10.336.800	
	- Chi công tác quản lý		23.574.600	
	- Chi HT cơ sở vật chất		43.343.095	
	- Nộp thuế		1.834.228	
8	Kỹ năng công dân số		628.947.610	13.659.190
	- Nộp trả trung tâm		532.029.450	
	- Chi phúc lợi		19.731.600	
	- Chi công tác quản lý		43.805.000	
	- Chi HT cơ sở vật chất		30.877.943	
	- Nộp thuế		2.503.617	
9	Quản lý học sinh ngoài giờ		2.135.355.350	284.663.520
	- Chi lương cho giáo viên dạy		1.535.675.770	
	- Chi hỗ trợ làm ngoài giờ		74.205.600	
	- Chi công tác quản lý		304.735.300	
	- Chi khen thưởng thi đua, GV có thành tích		146.692.000	
	- Nộp thuế		74.046.680	
10	Hỗ trợ dạy học 2 buổi/ngày		273.472.151	96.723.988

	- Thanh toán tiền điện, nước sinh hoạt		217.127.418	
	- Mua bổ sung đồ dùng nhà trường		56.344.733	
11	Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú		198.467.600	82.416.400
	- Mua bổ sung đồ dùng bán trú		193.455.600	
	- Nộp thuế TNDN		5.012.000	
12	Tài trợ GD lớp 1 NH 2024-2025		196.700.000	78.375
	- Mua bổ sung cơ sở vật chất		196.700.000	
IV	Các khoản chi dịch vụ:		73.933.000	16.754.000
1	Dịch vụ trông coi xe		73.933.000	16.754.000
	- Trả cho người trực tiếp trông coi xe, bồi dưỡng đoàn viên trực ATGT		61.400.000	
	- Nộp thuế		12.533.000	
V	Các khoản chi thỏa thuận		52.105.000	66.531.000
1	Kinh phí ban đại diện cha mẹ học sinh		52.105.000	66.531.000
	- Tặng quà HS có hoàn cảnh khó khăn		23.400.000	
	- Chi hỗ trợ hoạt động ngoại khóa		12.175.000	
	- Khen thưởng học sinh có thành tích		16.530.000	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Tư tưởng chính trị:

Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên, nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm, ý thức nghề nghiệp, các chủ trương chính sách về giáo dục.

Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ giáo viên, nhân viên thực hiện nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua

- 100% giáo viên hưởng ứng tham gia phong trào thi đua “Dạy tốt - Học tốt”. Kết quả 39/51 giáo viên xếp loại Tốt.

- Đã thực hiện tốt Chỉ thị 05- CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục; Cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

- Thực hiện tốt phong trào nghiên cứu khoa học. Kết quả: 53 đồng chí CBGV, NV có sáng kiến kinh nghiệm được công nhận cấp trường.

- Nhà trường đã lập Kế hoạch “Xây dựng trường học hạnh phúc” với các tiêu chí có tính cốt lõi: yêu thương, an toàn, tôn trọng và triển khai thực hiện tốt các tiêu chí đã đề ra. Không ngừng xây dựng tu bổ hệ thống cây xanh, trang trí các phòng học giúp học sinh mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

- 100% các lớp thực hiện tốt việc giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống: Giáo dục giới tính, ý thức chấp hành pháp luật, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống xâm hại...thông qua các môn học.

- Làm tốt công tác tư vấn tâm lý cho học sinh, thường xuyên trao đổi thông tin với phụ huynh học sinh trong việc bảo đảm an toàn tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự và bí mật đời sống riêng tư của học sinh. Trong học kỳ 1 năm học 2025-2026, tổ tư vấn đã tư vấn cho 2 trường hợp.

2. Đổi mới công tác quản lý

a. Công tác chỉ đạo

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của các cấp về thực hiện nhiệm vụ năm học tới toàn thể Cán bộ giáo viên trong nhà trường.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong nhà trường đảm bảo quy trình, dân chủ, phát huy khả năng, năng lực của mỗi cá nhân.

- Căn cứ tình hình thực tế xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của trường; Kế hoạch giáo dục nhà trường. Chủ động chỉ đạo các tổ, bộ phận xây dựng kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục; Giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy.

- Thực hiện công khai các hoạt động của nhà trường theo quy định.

b. Công tác bồi dưỡng

- Nhà trường tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ, sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; chú trọng trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá học sinh.

- Cán bộ quản lý và giáo viên tích cực tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do các cấp tổ chức; thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục nhân dịp hè 2025:

+ Tổ chức tập huấn cho 100% Cán bộ quản lý và giáo viên giảng dạy các khối lớp theo chương trình GDPT 2018. Tăng cường lên lớp dự giờ, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy đối với giáo viên các khối lớp tại nhà trường.

+ Bồi dưỡng CNTT, chuyển đổi số cho 100% giáo viên, giúp giáo viên có kỹ năng, vận dụng việc chuyển đổi số trong giảng dạy.

+ Bồi dưỡng tay nghề giáo viên, tăng cường lên lớp dự giờ, bồi dưỡng dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh...

- Trong năm học, giáo viên tiếp tục được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ do Sở, Phòng, Trường tổ chức. Đặc biệt nhà trường quan tâm sát sao việc tự học của giáo viên, hàng tháng, hàng kỳ có kiểm tra đánh giá sổ tự học của giáo viên.

- Đổi mới SHCM theo hướng nghiên cứu bài học theo Công văn 1315/BGDĐT ngày 16/4/2020. Tổ chức các chuyên đề cấp trường 1 lần/tháng.

- Tổ chức thi thiết bị dạy học số cấp trường, kết quả lựa chọn được: 01 giải Nhất, 02 giải Nhì, 03 giải Ba.

- 15 giáo viên tham gia thi và đạt giáo viên dạy giỏi cấp phường năm học 2025-2026, 02 giáo viên tiếp tục tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp thành phố.

c. Công tác kiểm tra nội bộ

- Nhà trường đã kiện toàn Ban chỉ đạo kiểm tra nội bộ nhà trường (Quyết định số 70/QĐ-THQT ngày 11/10/2025 của trường Tiểu học Quán Toan).

- Xây dựng Kế hoạch Kiểm tra nội bộ của trường Tiểu học Quán Toan (Quyết định phê duyệt kế hoạch kiểm tra năm học 2025-2026 số 83/QĐ-THQT ngày 14/10/2025 của trường Tiểu học Quán Toan)

* Kết quả kiểm tra nội bộ:

TT	Nội dung kiểm tra	Xếp loại	Ghi chú
1	Kiểm tra công tác quản lý dạy liên kết với các Trung tâm	Tốt	Kiểm tra theo kế hoạch
2	Kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ, công khai	Tốt	
3	Kiểm tra công tác thư viện- Thiết bị và sử dụng ĐDDH	Tốt	
4	Kiểm tra 02 tổ chuyên môn: Tổ 5, Tổ 4	2 tổ xếp loại Tốt	
5	Kiểm tra HĐSP 30 GV	Tốt: 25; Khá: 05	
6	Kiểm tra an toàn thực phẩm	Tốt	Kiểm tra thường xuyên
7	Kiểm tra công tác bán trú	Tốt	
8	Kiểm tra vệ sinh trường lớp	Tốt	
9	Kiểm tra các điều kiện học tập, cung cấp nước uống cho HS	Tốt	
10	Kiểm tra vệ sinh cá nhân của HS	Tốt	
11	Kiểm tra thực hành rèn luyện thể lực	Tốt	
12	Kiểm tra thực hành chăm sóc răng miệng, chăm sóc mắt, thực hành dinh dưỡng hợp lý	Tốt	
13	Kiểm tra hồ sơ 51 giáo viên	Tốt: 37 Khá: 12	

14	Kiểm tra quản lí học sinh ngoài giờ chính khoá	Tốt	
----	--	-----	--

d. Công tác thi đua khen thưởng

- Phối hợp với công đoàn làm tốt công tác thi đua khen thưởng. Ngay từ đầu năm phát động phong trào thi đua trong toàn thể CBGV,NV nhà trường.

- Sau mỗi đợt bình bầu, khen thưởng, động viên kịp thời, tạo tâm thế phấn khởi trong giáo viên.

3. Công tác chuyên môn

Thực hiện nghiêm túc chương trình và kế hoạch giáo dục nhà trường.

Bám sát chuẩn chương trình GDPT 2018 với bộ sách kết nối tri thức.

Tích cực đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát huy năng lực, phẩm chất học sinh.

Các hoạt động giáo dục tích hợp: giáo dục địa phương, giáo dục năng lực số, giáo dục ATGT, lồng ghép quyền con người, lồng ghép quốc phòng an ninh, lồng ghép tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước, giáo dục STEM, hoạt động trải nghiệm,... được tổ chức lồng ghép trong các môn học và hoạt động ngoài giờ lên lớp, góp phần hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2025 của trường Tiểu học Quán Toan./.

Nơi nhận:

- PGDĐT;
- BGH,TTTCM;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hạnh